

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 8 năm 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hùng

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên toà: Ông Nghiêm Xuân Huy - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 – Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 11- Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐST - HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Kim C, sinh năm 1998; Địa chỉ: Xóm L, xã L, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Nay là: Xóm L, xã K, tỉnh Phú Thọ; (vắng mặt)

-Bị đơn: Anh Lê Văn Ch, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Th, xã Đ, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; Nay là: Thôn Th, xã T, tỉnh Phú Thọ; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2025, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Kim C trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn Ch ngày 06/7/2017 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và không bị ai lừa dối, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn anh Ch về ở chung cùng chị tại xã Tr, huyện L. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm về làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Tháng 9 năm 2020 anh Ch về nhà mẹ đẻ ở tại thôn Th, xã Đ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân hai bên gia đình không giàn xếp gì để vợ chồng đoàn tụ và vợ chồng không có biện pháp cải thiện, khắc phục mâu thuẫn. Nay chị xác định mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lê Đăng Kh, sinh ngày 22/5/2017, hiện nay con đang ở cùng chị C tại xã K. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và tự nguyện không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Cúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Lê Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Ch không đến Tòa án làm việc; không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; phiên hòa giải. Anh Ch không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị giải quyết ly hôn của chị C. Tại phiên tòa hôm nay anh Ch vắng mặt mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành làm việc với bà Lê Thị T (mẹ đẻ anh Ch) trình bày: Gia đình bà có tổ chức lễ cưới cho chị C và anh Ch vào năm 2017. Tổ chức xong anh Ch về ở chung cùng chị C và gia đình chị C. Quá trình chung sống năm 2018 vợ chồng anh Ch và chị C có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và tháng 9 năm 2020 anh Ch về nhà bà ở và hiện vợ chồng đã sống ly thân. Anh Ch và chị C có 01 con chung là Lê Đăng Kh, sinh ngày 22/5/2017 và hiện nay cháu Kh đang ở cùng chị C. Bà xác nhận các lần Tòa án gửi các thông báo, giấy triệu tập cho anh Ch, bà đều nhận thay và anh Ch biết việc chị C xin ly hôn nhưng anh Ch không đến Tòa án làm việc đồng thời anh Ch có trao đổi với bà đồng ý để chị C được nuôi con. Nay chị C đề nghị giải quyết ly hôn và nuôi con đối với anh Ch thì bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Phú Thọ tại phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của

pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng thì nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị xử cho chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Lê Văn Ch. Về nuôi con: giao chị C được nuôi dưỡng cháu Kh và anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị C phải chịu nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Văn Ch đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng anh Ch không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy bị đơn là anh Lê Văn Ch vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Ch đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị C và anh Ch.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim C và anh Lê Văn Ch có đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 7 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện L, tỉnh Hòa Bình (nay là xã K, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, đến tháng 9 năm 2020 mâu thuẫn trầm trọng nên anh Ch về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị C trình bày là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như bất đồng quan điểm về làm ăn phát triển kinh tế gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc. Khi vợ chồng sống ly thân hai bên đều không có biện pháp để cải thiện tình cảm, khắc phục mâu thuẫn. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh Ch mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, vợ chồng sống ly thân trong thời gian dài, việc chị C xin ly hôn anh Ch là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh Ch vắng mặt, không hợp tác đến Tòa án làm việc thể hiện anh Ch cố tình gây khó khăn

cho chị C khi giải quyết ly hôn và không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Lê Văn Ch.

[3] Về nuôi con chung: Chị C và anh Ch có 01 con chung là Lê Đăng Kh, sinh ngày 22/5/2017, hiện nay con đang ở cùng chị C tại xã K. Ly hôn chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và tự nguyện không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án anh Ch có quan điểm đồng ý để chị C được nuôi dưỡng cháu Kh. Hiện nay chị C xác nhận đủ điều kiện kinh tế nuôi con học tập và sinh hoạt hàng ngày nên không yêu cầu anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Do vậy để tránh sự xáo trộn trong sinh hoạt cũng như đảm bảo điều kiện tốt về học tập, sinh hoạt và không ảnh hưởng đến sự phát triển toàn diện của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị C được trực tiếp nuôi dưỡng con là cháu Kh và anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và các nghĩa vụ dân sự: Chị C không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Phú Thọ tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Kim C được ly hôn anh Lê Văn Ch.

2. Về nuôi con: Chị Bùi Thị Kim C được nuôi dưỡng con là Lê Đăng Kh, sinh ngày 22/5/2017 (hiện nay con đang ở cùng chị C) và anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3.Về án phí: Chị Bùi Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0001247 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11, tỉnh Phú Thọ).

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11- Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Khương Đặng Khánh Hằng

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khương Đặng Khánh Hằng

